



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 115 + 116

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|-------------|--|----|
| 15-02-2024- | Quyết định số 521/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động quảng cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 2 |
| 21-02-2024- | Quyết định số 541/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường. | 21 |

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 521/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động quảng cáo
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008.

Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo; Nghị định số 70/2021/NĐ-CP 20 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo; Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 56/2021/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Quy chế quản lý kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 492/TTr-SVHTT ngày 30 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động quảng cáo

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý hoạt động quảng cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Quyết định này bãi bỏ Chỉ thị số 25/2014/CT-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc tăng cường công tác quản lý về hoạt động quảng cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Công thương, Giám đốc

Sở Du lịch, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các Sở, ban ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Anh Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý hoạt động quảng cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
(Kèm theo Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, phương thức, nội dung phối hợp và trách nhiệm của các Sở, ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện về quản lý, cấp phép, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về hoạt động quảng cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm quảng cáo ngoài trời, quảng cáo trên phương tiện thông tin đại chúng, công nghệ thông tin và trên môi trường mạng).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Công tác phối hợp đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật, đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ được giao của mỗi cơ quan Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Đảm bảo tính khách quan, đồng bộ, thường xuyên, kịp thời và hiệu quả trong các hoạt động phối hợp.

3. Phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị; đối với những vấn đề còn ý kiến khác nhau hoặc vượt thẩm quyền, cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp báo cáo, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết

định.

4. Cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì nhiệm vụ phối hợp phải chịu trách nhiệm xuyên suốt, đến cùng về chất lượng và tiến độ tham mưu nhiệm vụ đó và đảm bảo tuân thủ đúng quy định; không được đùn đẩy trách nhiệm lên cơ quan cấp trên; chủ động phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Cơ quan, đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm xác định rõ nội dung cần lấy ý kiến, gửi đầy đủ hồ sơ; nêu rõ chính kiến và thẩm quyền ban hành khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định. Các cơ quan, đơn vị phối hợp chịu trách nhiệm trả lời đầy đủ, có chính kiến đối với các nội dung theo yêu cầu của cơ quan, đơn vị chủ trì.

6. Trong quá trình phối hợp, nếu có nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, đơn vị chuyên ngành, nhưng cơ quan, đơn vị chuyên ngành không phối hợp, phối hợp thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ theo Quy chế này sẽ chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố và chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật. Cơ quan tham gia các hoạt động phối hợp được phép từ chối phối hợp nếu nội dung đề nghị phối hợp không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan phối hợp.

7. Đảm bảo tuân thủ thời hạn trả lời ý kiến theo yêu cầu của cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ hoặc theo chỉ đạo của cơ quan cấp trên. Các cơ quan được đề nghị phối hợp phải thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, không đùn đẩy trách nhiệm lẫn nhau.

Điều 4. Phương thức phối hợp

1. Trao đổi bằng văn bản, thư điện tử (không quá 15 ngày làm việc kể từ thời điểm cơ quan chủ trì ký gửi văn bản đề nghị phối hợp). Đối với các yêu cầu phối hợp đột xuất để đảm bảo kịp thời công tác, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có thể trao đổi trực tiếp thông qua gặp gỡ, điện thoại, email công vụ nhưng sau đó phải thực hiện bằng văn bản.

2. Tổ chức đoàn khảo sát thực tế hoặc tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra của các đoàn công tác liên ngành theo quy định.

3. Tổ chức các cuộc họp liên ngành định kỳ, đột xuất; tổ chức hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết.

4. Báo cáo hàng năm (trước ngày 31/12) về nội dung quản lý, phối hợp theo

chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Quy chế này về Sở Văn hóa và Thể thao tổng hợp.

5. Cử nhân sự phối hợp

a) Khi phát sinh công việc cần phối hợp, bên yêu cầu phối hợp có thể đề nghị cử nhân sự tham gia phối hợp. Văn bản đề nghị gồm: mục đích, nội dung, yêu cầu phối hợp, cách thức phối hợp. Cơ quan, đơn vị được đề nghị phối hợp có trách nhiệm cử nhân sự theo đúng yêu cầu và tạo điều kiện để nhân sự được cử tham gia phối hợp hoàn thành nhiệm vụ.

b) Trường hợp bên được đề nghị phối hợp không cử được nhân sự tham gia phối hợp theo yêu cầu thì phải có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do.

Chương II **NỘI DUNG PHỐI HỢP**

Điều 5. Quản lý hoạt động quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin

1. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chủ trì, đầu mối kiến nghị với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện các giải pháp quản lý hoạt động quảng cáo xuyên biên giới, người quảng cáo và người kinh doanh quảng cáo trên nền tảng trực tuyến tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chủ trì, kiến nghị với Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai danh sách trang thông tin điện tử, kênh và tài khoản mạng xã hội có nội dung xấu, độc vi phạm pháp luật (Blacklist) để loại bỏ quảng cáo vi phạm trên mạng Internet; khuyến khích các nhãn hàng, thương hiệu phân phối quảng cáo trên các nền tảng, kênh, trang thông tin điện tử đã được xác thực (Whitelist) được cơ quan chức năng công bố.

2. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp phối hợp các Sở, ban ngành của Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm quảng cáo đối với người nổi tiếng (KOLs) tham gia quảng cáo các sản phẩm kém chất lượng; cá nhân sử dụng danh nghĩa, địa chỉ, hình ảnh, lời chia sẻ của bệnh nhân; sử dụng trang phục bác sĩ, quân trang và thiết bị ngành Công an, quân phục của Quân đội Nhân dân và Cựu Chiến binh Việt Nam; quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không đảm bảo, chưa được kiểm duyệt hoặc cấp phép theo quy định; đầu mối liên hệ, phối hợp Bộ Thông

tin và Truyền thông ngăn chặn kênh, tài khoản mạng xã hội, trang thông tin điện tử vi phạm.

3. Sở Du lịch quản lý, công khai danh sách kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền về quảng cáo trên môi trường mạng đối với các cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng sao, các điểm du lịch, nhà hàng được công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành.

4. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan có liên quan xử lý các trường hợp có nội dung quảng cáo vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp trên môi trường mạng.

5. Sở Y tế thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về nội dung quảng cáo trên môi trường mạng thuộc thẩm quyền; cấp xác nhận nội dung quảng cáo đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, sản phẩm, hàng hóa có liên quan trong lĩnh vực y tế theo quy định của Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế; phối hợp Công an Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra, xử lý ngăn chặn các hành vi vi phạm về quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, quảng cáo sản phẩm, hàng hóa có liên quan trong lĩnh vực y tế.

6. Sở Công thương phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông tuyên truyền khuyến khích các nhãn hàng, thương hiệu, sàn thương mại điện tử, trang thương mại điện tử không quảng cáo vào danh sách các trang thông tin điện tử, các kênh và tài khoản mạng xã hội có nội dung xấu, độc vi phạm pháp luật (Blacklist) đã bị cơ quan chức năng công khai.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý hoạt động quảng cáo trên môi trường mạng theo thẩm quyền được giao về hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thuốc bảo vệ thực vật, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật phải có giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật; quảng cáo sinh vật có ích dùng trong bảo vệ thực vật phải có giấy phép kiểm dịch thực vật do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp; quảng cáo thuốc thú y, vật tư thú y phải có giấy phép lưu hành sản phẩm và bản tóm tắt đặc tính của sản phẩm; quảng cáo phân bón, chế phẩm sinh học phục vụ trồng trọt, thức ăn chăn nuôi, chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi phải có giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm hoặc

văn bản tự công bố chất lượng sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thông tin đến Sở Thông tin và Truyền thông, Công an Thành phố khi phát hiện việc quảng cáo sai quy định trên môi trường mạng về đào tạo, cấp chứng chỉ hành nghề; chú trọng đến nội dung quảng cáo về tuyển dụng, đào tạo và đưa người lao động ra nước ngoài trên các trang thông tin điện tử, mạng xã hội cung ứng dịch vụ tuyển dụng có dấu hiệu quảng cáo thông tin tuyển dụng sai sự thật, thiếu thông tin xác thực, có dấu hiệu lừa đảo (thu tiền thế chân của người lao động tìm việc, tin tuyển dụng việc nhẹ lương cao, làm việc online tại nhà,...) để thực hiện xử lý việc quảng cáo trên mạng không đúng quy định pháp luật, đồng thời bảo vệ quyền lợi người lao động, người dân Thành phố; quảng cáo sử dụng hình ảnh trẻ em, người cao tuổi và người yếu thế.

9. Sở Xây dựng phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thu thập thông tin và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm hành chính về không công khai, công khai không đầy đủ hoặc không đúng các nội dung về dự án bất động sản, dự án đầu tư xây dựng nhà ở theo quy định; cung cấp thông tin về các dự án bất động sản, dự án đầu tư xây dựng nhà ở theo quy định; cung cấp thông tin về các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi quảng cáo không đúng sự thật (dự án không có trên thực tế, dự án ma) cho cơ quan chức năng khi có yêu cầu.

10. Công an Thành phố Hồ Chí Minh

a) Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền về hoạt động quảng cáo trên môi trường mạng, tăng cường kiểm tra, xử lý các hoạt động huy động vốn lãi suất cao, các ứng dụng, app cho vay,... hoạt động trái phép hoặc không được cấp phép hoạt động; điều tra, xử lý đối với các quảng cáo trên mạng về dịch vụ massage, spa trá hình, các trang thông tin điện tử, ứng dụng hẹn hò trực tuyến và các loại hình tương tự có dấu hiệu hoạt động kích dục, mại dâm.

b) Tăng cường rà soát, kiểm tra và xử lý nghiêm đối với việc đăng tải, quảng cáo bán vũ khí, công cụ hỗ trợ như: súng quân dụng, súng tự chế bắn đạn thể thao, súng bắn đạn cao su, đạn bi, súng bắn điện, bình xịt hơi cay, dao kiếm các loại trên môi trường mạng.

c) Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Sở, ban ngành có liên quan ngăn chặn các hội thảo, hội nghị có yếu tố nước ngoài có liên quan về kêu gọi đầu tư vào các dự án công nghệ Crypto, tiền ảo, tiền số, sàn forex, sàn vàng, chứng khoán hàng hóa phái sinh và các loại tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội khác có liên quan trên môi

trường mạng.

11. Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện

a) Tăng cường công tác tuyên truyền để nâng cao ý thức và kỹ năng của người tiêu dùng, người dân trên địa bàn “Hãy là người tiêu dùng thông thái để bảo vệ chính mình” đối với các sản phẩm, dịch vụ quảng cáo trên môi trường mạng.

b) Kiểm tra, xử lý đối với cá nhân, tổ chức doanh nghiệp có địa chỉ trú đóng trên địa bàn vi phạm quy định quảng cáo các loại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải có các tài liệu chứng minh về sự hợp chuẩn, hợp quy của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo quy định đúng thẩm quyền.

Điều 6. Quản lý hoạt động quảng cáo trên các loại phương tiện quảng cáo ngoài trời

1. Sở Văn hóa và Thể thao là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Sở, ban ngành chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố việc quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố.

2. Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận và xử lý hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo và bảng rôn; thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo; quản lý và cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam (cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi).

3. Sở Giao thông vận tải phối hợp trong quản lý bảng quảng cáo, hộp đèn đứng độc lập tạm thời trong hành lang an toàn giao thông, đất của đường bộ (vĩa hè, dải phân cách, đảo giao thông,...) theo Điều 7 của Quy chế này.

4. Sở Xây dựng phối hợp trong việc thỏa thuận treo bảng rôn tuyên truyền, cổ động chính trị trên trụ đèn chiếu sáng đô thị theo Điều 9 của Quy chế này.

5. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp trong công tác quy hoạch, quản lý lắp đặt kiểm tra hoạt động của màn hình chuyên quảng cáo theo Điều 10 của Quy chế này.

6. Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện phối hợp chỉ đạo Phòng Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Phòng Văn hóa và Thông tin và các đơn vị liên quan khác trong công tác triển khai thực hiện quản lý hoạt động quảng cáo trên địa bàn; quản lý việc lắp đặt biển hiệu của tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

Điều 7. Quản lý, cấp giấy phép thi công đối với bảng quảng cáo, hộp đèn đứng độc lập tạm thời trong hành lang an toàn giao thông, đất của đường bộ

1. Sở Giao thông vận tải là cơ quan chủ trì quản lý việc lắp đặt, cấp giấy phép thi công đối với bảng quảng cáo, hộp đèn đứng độc lập tạm thời trong hành lang an toàn giao thông, đất của đường bộ (via hè, dải phân cách, đảo giao thông,...).

2. Sở Giao thông vận tải phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao và các đơn vị liên quan trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định đối với việc xã hội hóa lắp đặt bảng quảng cáo, hộp đèn đứng độc lập tuyên truyền an toàn giao thông trong hành lang an toàn giao thông, đất của đường bộ.

3. Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện phối hợp có ý kiến đối với việc lắp đặt bảng quảng cáo, hộp đèn đứng độc lập tạm thời trong hành lang an toàn giao thông, đất của đường bộ theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải.

4. Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện thực hiện rà soát, tổng hợp các trụ, bảng quảng cáo, tuyên truyền cổ động trên hành lang an toàn giao thông đường bộ, đất của đường bộ theo hiện trạng và phương hướng xử lý trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét.

Điều 8. Quản lý, thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo

1. Trừ trường hợp công trình quảng cáo thuộc đối tượng cấp giấy phép thi công theo quy định pháp luật về giao thông đường bộ, thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo được thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Điều 103 Luật Xây dựng 2014, được sửa đổi bổ sung tại Khoản 37 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14.

2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm giám sát về an toàn đối với các công trình quảng cáo trong hành lang an toàn giao thông, đất của đường bộ.

3. Sở Xây dựng, Sở Văn hóa và Thể thao, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện phối hợp trong công tác liên ngành về quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình quảng cáo trên địa bàn quản lý và theo thẩm quyền.

Điều 9. Quản lý, thỏa thuận treo băng rôn (bao gồm băng rôn tuyên truyền cổ động chính trị và quảng cáo)

1. Sở Văn hóa và Thể thao là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên băng rôn cho các doanh nghiệp, tổ chức có nhu cầu.

2. Đối với đề nghị treo băng rôn với số lượng từ 200 cái trở xuống: Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo của các doanh nghiệp và tổ chức sau khi đã có văn bản thỏa thuận sử dụng trụ chiếu sáng đô thị của Sở Xây dựng (đối với nội dung tuyên truyền, cổ động chính trị) hoặc của các đơn vị quản lý hệ thống trụ chiếu sáng (không phải Sở Xây dựng quản lý) và trụ treo băng rôn.

3. Đối với đề nghị treo băng rôn với số lượng trên 200 cái

a) Căn cứ trên quy mô, tính chất, mục đích và ý nghĩa của chương trình, Sở Văn hóa và Thể thao xem xét đề xuất về số lượng, thời gian treo băng rôn báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định (Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để lấy ý kiến tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố nếu cần thiết).

b) Trên cơ sở chủ trương chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố, các đơn vị quản lý trụ chiếu sáng đô thị hoặc trụ treo băng rôn có văn bản thỏa thuận tuyến đường cho doanh nghiệp, tổ chức thực hiện treo băng rôn, chuyển Sở Văn hóa và Thể thao làm cơ sở để thẩm định hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên băng rôn.

4. Sở Văn hóa và Thể thao chuyên văn bản trả lời thông báo sản phẩm quảng cáo đến các đơn vị quản lý trụ chiếu sáng đô thị hoặc trụ treo băng rôn quảng cáo để quản lý, kiểm tra việc treo băng rôn của doanh nghiệp, tổ chức thực hiện.

Điều 10. Quản lý, xin phép lắp đặt màn hình chuyên quảng cáo

1. Sở Văn hóa và Thể thao là cơ quan chủ trì, tiếp nhận, hướng dẫn các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức có nhu cầu thực hiện đề án thông báo lắp đặt màn hình quảng cáo. Chủ động phối hợp lấy ý kiến của các cơ quan chuyên ngành có liên quan và địa phương khi cần thiết. Trả lời bằng văn bản đến cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức gửi hồ sơ hoặc trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định (đối với những vị trí chuyển đổi hình thức từ bạt hiflex sang màn hình chuyên quảng cáo hoặc những vị trí chưa được phê duyệt quy hoạch).

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện thực hiện công tác quản lý, hậu kiểm đối với việc đảm bảo an toàn thông tin và nội dung đăng phát trên màn hình chuyên quảng cáo, phương tiện quảng cáo sử dụng công nghệ điện tử để truyền tải các sản phẩm quảng cáo như màn hình điện tử LED, LCD và các hình thức tương tự đặt bên trong các chung cư, cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại, siêu thị, các cửa hàng, cửa hiệu kinh doanh.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Thông tin và Truyền thông quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động quảng cáo trên màn hình điện tử LED, LCD và các hình thức tương tự đặt bên trong các chung cư, cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại, siêu thị, các cửa hàng, cửa hiệu kinh doanh trên địa bàn.

Điều 11. Xây dựng, quản lý và vận hành phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu vị trí quảng cáo ngoài trời trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

1. Sở Văn hóa và Thể thao là cơ quan chủ trì xây dựng, quản lý và vận hành phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu vị trí quảng cáo (quản lý dữ liệu đầu vào và dữ liệu đầu ra của hệ thống; phân quyền truy cập hệ thống; cập nhật thông tin Quy hoạch quảng cáo ngoài trời và vị trí trụ bảng/ màn hình chuyên quảng cáo được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận; quản lý báo cáo vi phạm, phản ánh của các đơn vị Sở, ban ngành liên quan, các địa phương, các đơn vị, doanh nghiệp quảng cáo, cá nhân về vị trí bảng quảng cáo;...).

2. Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải phối hợp quản lý, cập nhật thông tin liên quan về vị trí quảng cáo ngoài trời (giấy phép thi công, thỏa thuận treo băng rôn, biên bản xử lý,...) vào hệ thống theo tài khoản được phân quyền quản lý.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện và phường, xã, thị trấn phối hợp quản lý, cập nhật thông tin liên quan về vị trí quảng cáo ngoài trời, xử lý các báo cáo vi phạm, phản ánh các đơn vị, doanh nghiệp quảng cáo, cá nhân về vị trí bảng quảng cáo sai quy định trên địa bàn quản lý và các nội dung khác theo tài khoản được phân quyền quản lý.

Điều 12. Quản lý công tác cổ động chính trị, xã hội hóa cổ động chính trị kết hợp quảng cáo thương mại trên màn hình chuyên quảng cáo, trụ bảng quảng cáo, trụ hộp đèn, trụ treo cờ, băng rôn

1. Sở Văn hóa và Thể thao triển khai nội dung, quản lý việc triển khai hoạt động tuyên truyền cổ động chính trị của các phương tiện: màn hình chuyên quảng cáo, bảng quảng cáo (đứng độc lập hoặc ốp vào công trình xây dựng có sẵn), trụ hộp đèn, trụ treo cờ, băng rôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sở Văn hóa và Thể thao là cơ quan chủ trì, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét đối với những vị trí tuyên truyền cổ động chính trị, xã hội hóa tuyên truyền cổ động chính trị kết hợp quảng cáo thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh.

3. Sở Giao thông vận tải, các đơn vị Sở, ban ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện tổng hợp, xem xét nhu cầu của đơn vị, địa phương, các cá nhân, tổ chức gửi Sở Văn hóa và Thể thao trình Ủy ban nhân dân Thành phố; cần ưu tiên những vị trí ở một số điểm nút giao thông, trục giao thông quan trọng, đường vành đai, các khu vực cửa ngõ đô thị và điểm giáp ranh giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh.

4. Các Sở, ban ngành liên quan và Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện tại vị trí đề xuất phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao có ý kiến tham mưu theo chức năng, nhiệm vụ quản lý để trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chấp thuận.

5. Sở Giao thông vận tải có ý kiến, hướng dẫn Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện và các tổ chức liên quan việc triển khai lắp đặt các vị trí quy hoạch cổ động chính trị trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 13. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về hoạt động quảng cáo

1. Sở Văn hóa và Thể thao chuyển văn bản trả lời thông báo sản phẩm quảng cáo của các tổ chức, cá nhân đến Thanh tra Sở Văn hóa và Thể thao, Phòng An ninh chính trị nội bộ Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Văn hóa - Thể thao và Du lịch Thành phố Thủ Đức, Phòng Văn hóa và Thông tin quận, huyện để kiểm tra, xử lý vi phạm trên địa bàn.

2. Thanh tra Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn Thành phố; hướng dẫn nghiệp vụ cho Phòng Văn hóa - Thể thao và Du lịch Thành phố Thủ Đức, Phòng Văn hóa và Thông tin quận, huyện kiểm tra, xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm viết đặt biển hiệu, bảng quảng cáo trên địa bàn; tiếp nhận hồ sơ vi phạm vượt thẩm quyền Thành phố Thủ Đức, quận, huyện tham mưu, Sở Văn hóa và Thể thao trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Sở Thông tin và Truyền thông thanh tra, kiểm tra hoạt động quảng cáo trên báo chí, sản phẩm in, phương tiện điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác; hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra, xử lý vi phạm cho Phòng Văn hóa - Thể thao và Du lịch Thành phố Thủ Đức, Phòng Văn hóa và Thông tin quận, huyện.

4. Thanh tra Sở Y tế có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra các cơ sở và xử lý đối

với các hành vi vi phạm về quảng cáo liên quan đến lĩnh vực y tế.

5. Thanh tra Sở Xây dựng chịu trách nhiệm kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý đối với công trình xây dựng bằng quảng cáo vi phạm do Sở Xây dựng cấp phép hoặc thẩm định, phê duyệt.

6. Thanh tra Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thanh tra, kiểm tra công trình xây dựng tạm liên quan hoạt động quảng cáo trên hành lang an toàn giao thông đường bộ do ngành giao thông cấp phép thi công trên địa bàn Thành phố, phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; thông báo kết quả xử lý vi phạm về Sở Văn hoá và Thể thao.

7. Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố phối hợp Thanh tra Sở Giao thông vận tải kiểm tra, xử lý vi phạm về an toàn giao thông trong hoạt động quảng cáo theo thẩm quyền; thông báo kết quả xử lý vi phạm về Sở Văn hoá và Thể thao.

8. Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện chỉ đạo Phòng Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Phòng Văn hóa và Thông tin, Đội kiểm tra liên ngành hoạt động văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội thành phố, quận, huyện (Đội 1) và các cơ quan chuyên môn có liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước, tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm về viết đặt biển hiệu, hoạt động quảng cáo trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; thông báo kết quả xử lý vi phạm về Sở Văn hoá và Thể thao.

Chương III

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ

Điều 14. Sở Văn hóa và Thể thao

1. Đánh giá, tổng hợp những vướng mắc liên quan đến thể chế, chính sách, pháp luật; rà soát, tham mưu kiến nghị Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, chồng chéo trong các quy định pháp luật về quảng cáo đối với Luật Quảng cáo, Luật Giao thông đường bộ, Luật Xây dựng, Luật Đất đai để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chủ trì và phối hợp với các Sở, ban ngành, Thành phố Thủ Đức, quận, huyện xây dựng Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tổ chức hướng dẫn thực hiện, tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp

luật về quảng cáo và văn bản pháp luật liên quan; tập huấn về nghiệp vụ quản lý trong hoạt động quảng cáo.

4. Chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền ở địa phương thực hiện thanh tra, kiểm tra, phát hiện kịp thời các vi phạm trong hoạt động quảng cáo. Tiếp nhận giải quyết khiếu nại, tố cáo các sai phạm về hoạt động quảng cáo theo thẩm quyền.

5. Hướng dẫn Phòng Văn hóa - Thể thao và Du lịch Thành phố Thủ Đức, Phòng Văn hóa và Thông tin quận, huyện về công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động quảng cáo tại địa phương.

6. Báo cáo định kỳ với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố.

Điều 15. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì và phối hợp với các Sở, ban ngành chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố việc quản lý hoạt động quảng cáo trên báo in; báo nói, báo hình; báo điện tử, trang thông tin điện tử, các kho ứng dụng trực tuyến trên mạng Internet; phương tiện điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác; trên sản phẩm in và trong bản ghi âm, ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng các giải pháp quản lý hiệu quả hoạt động quảng cáo trên phương tiện truyền thông đại chúng và trên môi trường mạng.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao và các đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp các quy định pháp luật hiện hành, đề xuất tiêu chí và quy trình quản lý quảng cáo trên môi trường mạng Internet, bán hàng trên mạng xã hội, quảng cáo qua người nổi tiếng.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí thành phố và các đơn vị cơ sở tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố.

5. Chủ trì, phối hợp các doanh nghiệp viễn thông triển khai các giải pháp, biện pháp để ngăn chặn và xử lý sim rác, quảng cáo qua cuộc gọi, tin nhắn điện thoại sai quy định của pháp luật.

6. Thanh tra, kiểm tra và tiếp nhận giải quyết khiếu nại, tố cáo các sai phạm về

việc chấp hành pháp luật trong hoạt động quảng cáo lĩnh vực thông tin và truyền thông theo thẩm quyền.

Điều 16. Sở Giao thông vận tải

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, địa phương đề xuất các vị trí quảng cáo tạm thời trong hành lang an toàn giao thông đường bộ, đất của đường bộ theo quy định của Luật Giao thông đường bộ.

2. Rà soát pháp lý về các khoản thu đối với các trụ, bảng quảng cáo nằm trong khu vực hành lang an toàn giao thông đường bộ, đất của đường bộ tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định.

3. Phối hợp Sở Tài chính rà soát hình thức thu phí phù hợp đối với các hình thức quảng cáo trên đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ, phương tiện giao thông, trạm dừng, nhà chờ xe buýt trên địa bàn Thành phố và đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện rà soát, đề xuất việc quản lý đối với các trụ quảng cáo dọc các tuyến đường, đường cao tốc ngang qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định, thẩm quyền.

5. Thanh tra, kiểm tra và tiếp nhận giải quyết khiếu nại, tố cáo các sai phạm về quy định chuyên ngành giao thông vận tải đối với bảng quảng cáo theo thẩm quyền.

Điều 17. Sở Xây dựng

1. Quản lý bảng quảng cáo tại các công viên trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Xây dựng.

2. Chỉ đạo Thanh tra Sở Xây dựng phối hợp Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện thực hiện quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình quảng cáo theo thẩm quyền; tiếp nhận giải quyết khiếu nại, tố cáo các vi phạm xây dựng công trình quảng cáo theo thẩm quyền.

Điều 18. Sở Quy hoạch - Kiến trúc

1. Phối hợp cung cấp đầy đủ thông tin quy hoạch xây dựng, quy hoạch kiến trúc đô thị và các nội dung liên quan theo yêu cầu của Sở Văn hóa và Thể thao.

2. Phối hợp Sở Văn hóa và Thể thao trong công tác tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh.

3. Tham gia ý kiến đối với các vị trí quảng cáo, cỡ động chính trị trong các khu vực yêu cầu quản lý đặc thù của Thành phố theo Quyết định số 56/2021/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Quy chế quản lý kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh khi có yêu cầu.

Điều 19. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao trong công tác tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án quảng cáo có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng, dự án đầu tư có đề nghị cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, trừ trường hợp giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân không thuộc diện phải có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Luật Đất đai, Luật Đầu tư và Luật Quảng cáo.

Điều 20. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện để có ý kiến theo chức năng đối với các trường hợp nếu công việc phát sinh khó khăn, vướng mắc khi các đơn vị có yêu cầu.

Điều 21. Công an thành phố Hồ Chí Minh

1. Chỉ đạo lực lượng cảnh sát giao thông phối hợp với lực lượng thanh tra của Sở Giao thông vận tải và Thành phố Thủ Đức, quận, huyện tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các phương tiện giao thông thực hiện quảng cáo sai quy định Luật Quảng cáo, gây mất an toàn giao thông. Thực hiện kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm Luật Giao thông đường bộ đối với người phát tán tờ rơi tại các giao lộ, vòng xoay.

2. Chỉ đạo Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý sai phạm các quy định về an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ đối với công trình quảng cáo theo thẩm quyền.

3. Chỉ đạo Phòng An ninh chính trị nội bộ phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao để xử lý các hoạt động quảng cáo không đúng văn bản chấp thuận, vi phạm Luật Quảng cáo hoặc có nội dung vi phạm liên quan đến an ninh, trật tự.

Điều 22. Các Sở, ban ngành liên quan khác

1. Các Sở, ban ngành liên quan của Thành phố trong phạm vi, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao, các Sở, ban ngành liên quan, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện quản lý nhà nước về nội dung quảng cáo đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành, lĩnh vực được phân công.

2. Các Sở, ban ngành chủ động triển khai, phối hợp thực hiện quản lý quảng cáo trên phương tiện thông tin đại chúng và trên môi trường mạng theo lĩnh vực quản lý nhà nước được quy định tại Điều 27 Nghị định 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo; chỉ đạo bộ phận chuyên môn và cử đầu mối phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Công an Thành phố và các đơn vị có liên quan xem xét xử lý và ngăn chặn kịp thời quảng cáo trong lĩnh vực quản lý để bảo vệ quyền lợi cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố.

3. Thanh tra, kiểm tra và tiếp nhận giải quyết khiếu nại, tố cáo vi phạm về quảng cáo trong lĩnh vực theo thẩm quyền.

Điều 23. Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện

1. Thực hiện quản lý nhà nước và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về các hoạt động quảng cáo trên địa bàn quản lý. Tiếp nhận giải quyết khiếu nại, tố cáo các sai phạm về hoạt động quảng cáo theo thẩm quyền.

2. Phối hợp Sở Văn hóa và Thể thao xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch vị trí cố định chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn quản lý.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Quảng cáo và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trên địa bàn quản lý. Trong đó tập trung vào nội dung quy định về viết, đặt biển hiệu theo đúng quy định của Luật Quảng cáo đối với các cơ sở, trụ sở, địa điểm sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại địa phương.

4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức lực lượng cưỡng chế tháo dỡ các bảng quảng cáo, biển hiệu vi phạm, không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã ban hành.

5. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động quảng cáo và thực hiện biển hiệu trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền; kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động quảng cáo, viết, đặt biển hiệu và

treo băng rôn sai quy định trên địa bàn.

6. Báo cáo định kỳ hàng năm (trước ngày 31/12) và đột xuất (khi có yêu cầu) về công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động quảng cáo tại địa phương gửi Sở Văn hóa và Thể thao.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Tổ chức thực hiện Quy chế

Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, ban ngành liên quan, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quảng cáo và Quy chế này; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về quản lý nhà nước trong hoạt động quảng cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 25. Điều chỉnh, bổ sung Quy chế

1. Trường hợp có sự khác biệt giữa Quy chế này và sự bổ sung, điều chỉnh, thay thế các quy định của Luật Quảng cáo và các văn bản quy định chi tiết thì áp dụng theo các quy định mới ban hành.

2. Trong quá trình triển khai, thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, chưa phù hợp với thực tế thì các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Văn hóa và Thể thao để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét bổ sung, sửa đổi Quy chế cho phù hợp.

3. Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm rà soát, tổ chức sơ kết, đánh giá quá trình thực hiện Quy chế này để kịp thời đề xuất, bổ sung, sửa đổi những điểm chưa phù hợp để việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý nhà nước về quảng cáo đạt hiệu quả cao./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 541/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
lĩnh vực Địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1082/TTr-STNMT-VP ngày 31 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 21 thủ tục hành chính lĩnh vực Địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường, gồm: 12 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, 04 thủ tục hành chính thay thế, 05 thủ tục hành chính bị bãi bỏ (do được thay thế).

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban

nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://hochiminhcity.gov.vn> (Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục hành chính:

Thủ tục có thứ tự I.1, I.2, I.3, I.4, I.5, I.6, I.8, I.10, I.11, I.12, I.13, I.14, I.15, I.16, I.17 ban hành kèm theo Quyết định số 4052/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Thủ tục có thứ tự I.1, I.3 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 3083/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 541/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Địa chất và khoáng sản						
1	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	<p>*Thời hạn giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> + Thời hạn kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn: không quá 05 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ. + Thời hạn hoàn thành việc thẩm định hồ sơ: không quá 30 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn. - Thời hạn trình hồ sơ: không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và 	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	<p>Mức thu lệ phí cấp phép như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/ 01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/ 01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010. - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p>- <i>Thời hạn phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố:</i> không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- <i>Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</i> không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p><i>Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.</i></p>		7.500.000 đồng/01 giấy phép.	<p>năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p> <p>- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	
2	Chuyên nhượng quyền thăm dò khoáng sản	<p>*Thời hạn giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> + Thời hạn kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyên nhượng quyền thăm dò: không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ. + Thời hạn hoàn thành việc thẩm định hồ sơ: không quá 30 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyên nhượng quyền thăm dò. - Thời hạn trình hồ sơ: không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân Thành phố. - Thời hạn phê duyệt của Ủy 	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	<p>Mức thu lệ phí cấp lại giấy phép khi chuyên nhượng như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010. - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p><i>ban nhân dân Thành phố:</i> không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p><i>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</i> không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p><i>Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.</i></p>			<p>phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p> <p>- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	
3	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	<p>*Thời hạn giải quyết:</p> <p><i>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> không quá 03 ngày làm việc.</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	<p>- Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010.</p> <p>- Nghị định số</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	<p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Thời hạn kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản: không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ. + Thời hạn hoàn thành việc thẩm định hồ sơ: không quá 30 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản.</p> <p>- Thời hạn trình hồ sơ: không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p>- Thời hạn phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố: không quá 05 ngày, kể từ ngày</p>	(số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)		<p>158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.</p> <p>- Quyết định số 2901/QĐ-</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.</p>			<p>BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	
4	<p>Phê duyệt trữ lượng khoáng sản</p>	<p>* Thời hạn giải quyết:</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản: không quá 120 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, gồm:</p> <p>+ Thời hạn kiểm tra toàn bộ hồ sơ tài liệu báo cáo; kiểm tra thực địa: không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận.</p> <p>+ Thời hạn lấy ý kiến chuyên gia: không quá 60 ngày làm</p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).</p>	<p>Theo Phụ lục đính kèm.</p>	<p>- Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010.</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>việc, kể từ ngày kết thúc công việc nêu trên.</p> <p>+ Thời hạn tổng hợp ý kiến và trình hồ sơ: không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các chuyên gia và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để trình Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia xem xét, quyết định.</p> <p>- <i>Thời hạn thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản: không quá 40 ngày làm việc, gồm:</i></p> <p>+ Thời gian lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật (nếu thành lập) tổ chức phiên họp Hội đồng: không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành nhận đủ hồ sơ từ Sở Tài nguyên</p>			<p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p> <p>- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>và Môi trường.</p> <p>+ Thời gian hoàn thành biên bản họp Hội đồng: không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên họp Hội đồng, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản theo ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện kèm theo biên bản họp Hội đồng.</p> <p>- <i>Thời hạn trình hồ sơ</i>: không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đã bổ sung, hoàn chỉnh của tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.</p> <p>- <i>Thời hạn phê duyệt của Ủy</i></p>			<p>lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p><i>ban nhân dân Thành phố: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường.</i></p> <p><i>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Ủy ban nhân dân Thành phố.</i></p> <p><i>Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.</i></p>				
5	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò	<p>* Thời hạn giải quyết:</p> <p><i>- Thời hạn tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, thẩm định và trình hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường: 07 ngày làm việc.</i></p> <p><i>- Thời hạn phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố: 03 ngày làm việc.</i></p> <p><i>Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không</i></p>	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	Không	<p>- Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010.</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<i>tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.</i>			<p>Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.</p> <p>- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					trường.	
6	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	<p>1) Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> + Thời hạn kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa: không quá 25 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ. + Thời hạn gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 06 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa. + Thời hạn cơ quan được lấy ý kiến trả lời: không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên mà không có văn bản trả lời thì được coi như cơ quan được lấy ý kiến đã đồng ý. Thời gian lấy 	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	<ul style="list-style-type: none"> * Trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: theo Phụ lục đính kèm. * Trường hợp điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không thu phí, lệ phí. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010. - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>ý kiến đến các cơ quan có liên quan không tính vào thời gian thẩm định.</p> <p>+ Thời hạn hoàn thành việc thẩm định hồ sơ: không quá 38 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>- <i>Thời hạn trình hồ sơ:</i> không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p>- <i>Thời hạn phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố:</i> không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.</p>			<p>khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p> <p>- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.</p> <p>2) Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản:</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 20 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra, rà soát văn bản có trong hồ sơ, kể cả kiểm tra tại thực địa. Trường hợp việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản do có thay đổi về trữ lượng khoáng sản được phép khai thác mà phải xác định và điều chỉnh</p>				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thì thời gian hoàn thành công việc này không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.</p> <p>- <i>Thời hạn trình hồ sơ</i>: không quá 05 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p>- <i>Thời hạn phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố</i>: không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- <i>Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ</i>: không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p><i>Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.</i></p> <p>3) Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:</p> <p>- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ</i>:</p>				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>- <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i> không quá 45 ngày, gồm:</p> <p>+ Thời hạn kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra tại thực địa: không quá 10 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Thời hạn hoàn thành thẩm định hồ sơ: không quá 35 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>- <i>Thời hạn trình hồ sơ:</i> không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p>- <i>Thời hạn phê duyệt của Ủy</i></p>				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p><i>ban nhân dân Thành phố:</i> không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p><i>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</i> không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p><i>Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ</i></p>				
7	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	<p>*Thời hạn giải quyết:</p> <p><i>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> không quá 03 ngày làm việc.</p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i></p> <p>+ Thời hạn việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn: không quá 05 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Thời hạn hoàn thành việc thẩm định hồ sơ: không quá 30 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	Theo Phụ lục đính kèm	<p>- Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010.</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn.</p> <p>- <i>Thời hạn trình hồ sơ:</i> không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p>- <i>Thời hạn phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố:</i> không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- <i>Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</i> không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p><i>Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.</i></p>			<p>động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p> <p>- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	
8	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	<p>*Thời hạn giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> + Thời hạn kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng: không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ. + Thời hạn hoàn thành việc thẩm định hồ sơ: không quá 30 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng. - Thời hạn trình hồ sơ: không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và 	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	Theo Phụ lục đính kèm	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010. - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p>- Thời hạn phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố: không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p><i>Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.</i></p>			<p>năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p> <p>- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	
9	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	<p>*Thời hạn giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> + Thời hạn kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản: không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ. + Thời hạn hoàn thành việc thẩm định hồ sơ: không quá 30 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản. - Thời hạn trình hồ sơ: không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn 	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010. - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>chính và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p>- <i>Thời hạn phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố:</i> không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- <i>Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</i> không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p><i>Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.</i></p>			<p>phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p> <p>- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	
10	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng	<p>*Thời hạn giải quyết:</p> <p>- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> không quá 05 ngày.</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường	Mức thu lệ phí cấp phép là 5.000.000 đồng/	<p>- Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010.</p> <p>- Nghị định số</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	sản	<p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ:</p> <p>+ Thời hạn kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản và kiểm tra thực địa: không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Thời hạn hoàn thành việc thẩm định hồ sơ: không quá 15 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản.</p> <p>- Thời hạn trình hồ sơ: không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p>- Thời hạn phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố: không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết</p>	(số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	01 giấy phép.	<p>158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p><i>quả hồ sơ: không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Ủy ban nhân dân Thành phố.</i></p> <p><i>Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.</i></p>			<p>BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p> <p>- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	
11	<p>Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản</p>	<p>*Thời hạn giải quyết:</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ:</p> <p>+ Thời hạn việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn: không quá 03 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ.</p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).</p>	<p>Mức thu lệ phí cấp phép là 2.500.000 đồng/01 giấy phép.</p>	<p>- Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010.</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>+ Thời hạn hoàn thành việc thẩm định hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn.</p> <p>- <i>Thời hạn trình hồ sơ</i>: không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p>- <i>Thời hạn phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố</i>: không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- <i>Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ</i>: không quá 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p><i>Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.</i></p>			<p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p> <p>- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	
12	<p>Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản</p>	<p>*Thời hạn giải quyết:</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ:</p> <p>+ Thời hạn việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn: không quá 03 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Thời hạn hoàn thành việc thẩm định hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên</p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).</p>	Không	<p>- Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010.</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>quan đến trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.</p> <p>- <i>Thời hạn trình hồ sơ:</i> không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p>- <i>Thời hạn phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố:</i> không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- <i>Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</i> không quá 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p><i>Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.</i></p>			<p>vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p> <p>- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	

B. Danh mục thủ tục hành chính thay thế thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Địa chất và khoáng sản						
1	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: gồm 2 trường hợp: * Trường hợp 1: Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đối với cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng: + Thời hạn thông báo thông tin về tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Mức thu lệ phí cấp phép như sau: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/ 01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000	- Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010. - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>thăm dò khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố và hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu.</p> <p>+ Thời gian tiếp nhận và thông báo về hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của các tổ chức, cá nhân khác là: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân đầu tiên.</p> <p>+ Thời gian lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản: không quá 05 ngày, kể từ ngày hết thời hạn thông báo nêu trên.</p> <p>* Trường hợp 2: Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đối với cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản cho tổ chức, cá nhân trúng</p>		<p>đồng/ 01 giấy phép;</p> <p>- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.</p>	<p>sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p><i>đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản: không quá 03 ngày làm việc.</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i></p> <p><i>+ Thời hạn lấy ý kiến chuyên gia và thẩm định hồ sơ: không quá 38 ngày làm việc kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi đề án thăm dò khoáng sản để lấy ý kiến góp ý của một số chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu và tổ chức thẩm định nội dung đề án thăm dò khoáng sản. Trường hợp nội dung đề án thăm dò khoáng sản phức tạp, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Hội đồng kỹ thuật để thẩm định đề án.</i></p> <p><i>+ Thời hạn tổng hợp ý kiến chuyên gia: không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến của các chuyên gia, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm</i></p>			<p>đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p> <p>- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>tổng hợp ý kiến và gửi kèm theo hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p>+ Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp Thành phố quyết định việc thông qua nội dung đề án thăm dò khoáng sản để cấp phép hoặc thành lập Hội đồng thẩm định trong trường hợp cần thiết. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề án thăm dò khoáng sản theo ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp Thành phố hoặc Hội đồng thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án thăm dò khoáng sản.</p> <p>- Thời hạn trình hồ sơ: không quá 21 ngày, kể từ ngày tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn chỉnh, Sở Tài nguyên và Môi</p>				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép thăm dò cho Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p>- Thời hạn phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố: không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p><i>Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.</i></p>				
2	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	<p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>- Thời gian hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức,</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé,	Không	<p>- Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016.</p> <p>- Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010.</p> <p>- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p><i>cá nhân đề nghị tham gia cuộc đấu giá: không quá 30 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc chuyên hồ sơ đấu giá của các tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp để thực hiện đấu giá theo quy định.</i></p> <p><i>- Thời hạn tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản: không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp phải tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.</i></p> <p><i>- Thời gian trình hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá:</i></p>	Quận 1).		<p>tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân Thành phố hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá.</p> <p>- Thời gian phê duyệt kết quả trúng đấu giá: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân Thành phố phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá. Trường hợp không phê duyệt phải có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do và các yêu cầu bổ sung (nếu có).</p> <p>- Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá: là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo công khai kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trang thông</p>			<p>chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố.				
3	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	<p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>- Thời gian hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia cuộc đấu giá: không quá 30 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc chuyển hồ sơ đấu giá của các tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp để thực hiện đấu giá theo quy định.</p> <p>- Thời hạn tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản:</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	Không	<p>- Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016.</p> <p>- Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010.</p> <p>- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp phải tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>- Thời gian trình hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân Thành phố hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá.</p> <p>- Thời gian phê duyệt kết quả trúng đấu giá: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân Thành phố phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá. Trường hợp không phê duyệt phải có thông báo bằng</p>			<p>hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>văn bản và nêu rõ lý do và các yêu cầu bổ sung (nếu có).</p> <p>- Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá: là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo công khai kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố.</p>			nguyên và Môi trường.	
4	Đóng cửa mở khoáng sản	<p>* Giai đoạn phê duyệt Đề án đóng cửa mở khoáng sản:</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 39 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, gồm:</p> <p>+ Trong thời gian không quá 10 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải gửi hồ sơ lấy ý kiến nhận xét phản biện đề án đóng cửa mở khoáng sản; mời đại diện thành viên Hội đồng tham gia kiểm tra thực địa (trong</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	Không	<p>- Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010.</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>trường hợp cần thiết).</p> <p>+ Thời hạn tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến trả lời và hoàn thành công tác kiểm tra thực địa: không quá 12 ngày kể từ ngày gửi hồ sơ lấy ý kiến.</p> <p>+ Thời hạn tổng hợp ý kiến, lập tờ trình: không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến nhận xét, phản biện, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp ý kiến góp ý, lập tờ trình báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định để tổ chức phiên họp Hội đồng.</p> <p>+ Thời hạn tổ chức phiên họp Hội đồng: trong 05 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Hội đồng tổ chức phiên họp Hội đồng.</p> <p>+ Thời hạn hoàn thành Biên bản họp Hội đồng: không quá 02 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp, Chủ tịch Hội đồng hoàn thành Biên bản họp Hội đồng.</p> <p>+ Thời hạn ban hành thông báo</p>			<p>Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.</p> <p>- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ hoặc lập lại đề án đóng cửa mỏ: trong 03 ngày kể từ hoàn thành Biên bản họp Hội đồng.</p> <p><i>Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án đóng cửa mỏ khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</i></p> <p>- <i>Thời hạn trình hồ sơ:</i> không quá 10 ngày, sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, nộp bổ sung của tổ chức, cá nhân, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp Thành phố phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.</p> <p>- <i>Thời hạn phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố:</i> không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình, kèm theo hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- <i>Thời hạn trả kết quả phê duyệt đề án đóng cửa mỏ:</i> không quá</p>			<p>- Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi và bãi bỏ một số thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>01 ngày, kể từ khi nhận được Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản từ Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p>- <i>Thời hạn tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt:</i> Thời gian căn cứ vào nội dung đề án đóng cửa mỏ được phê duyệt và không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>* Giai đoạn kiểm tra, nghiệm thu, ban hành Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản:</p> <p>- <i>Thời hạn lấy ý kiến về bảo vệ môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường:</i> không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.</p> <p>- <i>Thời hạn cơ quan được lấy ý kiến trả lời:</i> không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến.</p> <p>- <i>Thời hạn kiểm tra thực địa,</i></p>				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p><i>nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ:</i> Trong thời gian 06 ngày sau khi nhận được ý kiến của cơ quan được lấy ý kiến.</p> <p>- <i>Thời hạn trình hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ:</i> không quá 05 ngày, kể từ khi kết thúc kiểm tra thực địa về kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo quy định và trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.</p> <p>- <i>Thời hạn ban hành Quyết định đóng cửa mỏ của Ủy ban nhân dân Thành phố:</i> không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- <i>Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</i> không quá 01 ngày, kể từ khi nhận được Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản từ Ủy ban nhân dân Thành phố.</p>				

C. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Văn bản pháp luật quy định việc bãi bỏ
	Lĩnh vực Khoáng sản	
1	Thủ tục cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố).	- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. (Được thay thế bởi Thủ tục cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản)
2	Thủ tục cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố).	
3	Thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản và ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản (làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố).	- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. (Được thay thế bởi 2 thủ tục gồm (1) Thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản; (2) Thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt)

4	Thủ tục phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.	- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. (Được thay thế bởi 2 thủ tục gồm (1) Thủ tục phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, (2) Thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản được thay thế bởi thủ tục Thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản)
5	Thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản	

PHỤ LỤC**MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ THUỘC DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, mức thu phí, lệ phí thuộc danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường như sau:

1. Thủ tục phê duyệt trữ lượng khoáng sản

Mức phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản như sau:

Số TT	Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT)	Mức phí
1	Đến 01 tỷ đồng	10 triệu đồng
2	Trên 01 đến 10 tỷ đồng	10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng)
3	Trên 10 đến 20 tỷ đồng	55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng)
4	Trên 20 tỷ đồng	85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng)

2. Thủ tục cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình

Mức thu lệ phí cấp phép như sau:

Số TT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối	
a	Có công suất khai thác dưới 5.000 m ³ /năm	1.000.000
b	Có công suất khai thác từ 5.000 m ³ đến 10.000 m ³ /năm	10.000.000
c	Có công suất khai thác trên 10.000 m ³ /năm	15.000.000
2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông	15.000.000

	thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm	
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	20.000.000
c	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	30.000.000
3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng	40.000.000
4	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này	
a	Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	40.000.000
b	Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	50.000.000
5	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này	60.000.000
6	Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm	80.000.000
7	Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại	100.000.000

3. Thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản; thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản

Mức thu lệ phí cấp phép như sau:

Số TT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối	
a	Có công suất khai thác dưới 5.000 m ³ /năm	500.000
b	Có công suất khai thác từ 5.000 m ³ đến 10.000 m ³ /năm	5.000.000
c	Có công suất khai thác trên 10.000 m ³ /năm	7.500.000
2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng	

	thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm	7.500.000
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	10.000.000
c	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	15.000.000
3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng	20.000.000
4	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này	
a	Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	20.000.000
b	Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	25.000.000
5	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này	30.000.000
6	Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm	40.000.000
7	Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại	50.000.000

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng